

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIỄN THÔNG VITECO**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014  
(đã được soát xét)

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Viteco (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Viteco (Viteco) là công ty cổ phần, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Thiết bị Điện thoại thuộc Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (BCVT) theo Quyết định số 56/QĐ - BBCVT ngày 25/11/2004 của Bộ Bưu chính Viễn Thông. Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 142/QĐ-SGDHN ngày 31/3/2011 với mã chứng khoán VIE. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 06/5/2011.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Ngõ 61, Lạc Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hòa	Chủ tịch	
Ông Phạm Văn Tuấn	Thành viên	
Ông Phạm Quốc Sỹ	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/05/2014
Ông Vũ Tú Nam	Thành viên	
Ông Phan Chiến Thắng	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hòa	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Hữu Cư	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Quốc Sỹ	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22/05/2014

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thúy Lan	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Xuân Tư	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Như Thơ	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Hòa

## **BÁO CÁO**

### **KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Viteco**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Viteco tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tại thời điểm 30/06/2014, số dư công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu xác nhận là 7.508.284.582 đồng và 8.063.386.370 đồng. Bằng các thủ tục soát xét đã thực hiện, chúng tôi không thể xác nhận được tính chính xác và phù hợp của các khoản công nợ chưa đối chiếu này. Do đó Chúng tôi cũng không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Viteco;

Công ty chưa trích lập Dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, số dự phòng chưa được trích lập lũy kế đến ngày 31/12/2013 và cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 lần lượt là 1.024.375.134 đồng và 195.029.100 đồng. Điều này dẫn đến Chỉ tiêu Dự phòng nợ phải thu khó đòi trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014 đang phản ánh thiếu số tiền là 1.219.404.235 đồng và Chỉ tiêu Lợi nhuận kế toán trước thuế trên Báo cáo Kết quả kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 phản ánh tăng lên số tiền 195.029.100 đồng;

Công ty chưa thực hiện xác nhận số lượng hàng gửi bán tại thời điểm 30/06/2014, đồng thời chưa trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầy đủ đối với lượng hàng gửi bán này theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, số dự phòng chưa được trích lập lũy kế đến ngày 31/12/2013 là 1.093.983.507 đồng. Điều này dẫn đến Chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho” trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014 đang phản ánh thiếu số tiền là 1.093.983.507 đồng. Bên cạnh đó Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với một số vật tư, hàng hóa mà trong 06 tháng đầu năm 2014 không biến động với giá trị trên sổ kế toán là 3.404.355.195 đồng. Do không thu thập được bằng chứng kiểm toán phù hợp về giá trị thuần có thể thực hiện được của các loại vật tư, hàng hóa này nên Chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính;

Như trình bày tại Thuyết minh số 35, do thời gian thực hiện hợp đồng kéo dài, phần lớn các hợp đồng ủy thác nhập khẩu đều chưa được thanh lý và quyết toán với bên ủy thác nhập khẩu về số dư phải thu, phải trả. Bên cạnh đó, Công ty cũng không thực hiện đối chiếu công nợ các hợp đồng ủy thác này nên chúng tôi không thể khẳng định được tính đúng đắn của các nghiệp vụ và số dư này. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi không xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề mô tả ở trên và ảnh hưởng của chúng, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

**Nguyễn Quốc Dũng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0285-2013-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2014

**Lê Văn Tùng**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1479-2013-002-1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>40.476.033.931</b>	<b>47.439.499.255</b>
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.852.212.264	6.753.592.806
111 1. Tiền		5.243.631.616	5.066.792.806
112 2. Các khoản tương đương tiền		5.608.580.648	1.686.800.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		9.552.055.689	21.636.815.623
131 1. Phải thu khách hàng		7.158.133.529	18.570.363.088
132 2. Trả trước cho người bán		855.861.491	776.062.064
133 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	4	256.735.629	354.013.137
135 5. Các khoản phải thu khác	5	2.489.569.212	2.756.511.242
139 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(1.208.244.172)	(820.133.908)
140 IV. Hàng tồn kho	7	16.958.107.171	16.654.276.618
141 1. Hàng tồn kho		17.242.691.959	16.938.861.406
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(284.584.788)	(284.584.788)
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		3.113.658.807	2.394.814.208
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	250.388.187	119.900.375
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		15.816.516	-
154 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	9	405.698.786	405.698.786
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	10	2.441.755.318	1.869.215.047
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>5.251.552.524</b>	<b>5.380.551.224</b>
220 II. Tài sản cố định		4.145.074.502	4.966.766.151
221 1. Tài sản cố định hữu hình	11	3.056.684.853	3.293.172.212
222 - Nguyên giá		13.504.898.936	14.832.138.793
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(10.448.214.083)	(11.538.966.581)
227 3. Tài sản cố định vô hình	12	876.608.653	898.748.358
228 - Nguyên giá		1.133.217.517	1.133.217.517
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(256.608.864)	(234.469.159)
230 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	211.780.996	774.845.581
250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		900.000.000	-
252 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	14	900.000.000	-
260 V. Tài sản dài hạn khác		206.478.022	413.785.073
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	15	146.478.022	353.785.073
268 3. Tài sản dài hạn khác	16	60.000.000	60.000.000
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>45.727.586.455</b>	<b>52.820.050.479</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014  
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>300 A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>34.758.947.620</b>	<b>38.629.482.890</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>34.673.036.397</b>	<b>38.259.387.292</b>
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	17	193.300.000	807.300.000
312 2. Phải trả người bán		11.972.541.377	12.959.234.005
313 3. Người mua trả tiền trước		1.166.997.255	673.804.847
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	50.917.236	1.115.691.753
315 5. Phải trả người lao động		516.500.661	268.765.136
316 6. Chi phí phải trả	19	2.785.295.318	3.238.658.312
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	18.069.276.912	19.235.142.988
320 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	21	143.994.166	179.037.779
323 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		(225.786.528)	(218.247.528)
<b>330 II. Nợ dài hạn</b>		<b>85.911.223</b>	<b>370.095.598</b>
338 8. Doanh thu chưa thực hiện	22	85.911.223	370.095.598
<b>400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>10.968.638.835</b>	<b>14.190.567.589</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>23</b>	<b>10.968.638.835</b>	<b>14.190.567.589</b>
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		15.612.440.000	15.612.440.000
412 2. Thặng dư vốn cổ phần		48.995.200	48.995.200
413 3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.592.423.352	1.592.423.352
417 7. Quỹ đầu tư phát triển		1.277.349.251	1.277.349.251
418 8. Quỹ dự phòng tài chính		133.000.000	133.000.000
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(7.695.568.968)	(4.473.640.214)
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>45.727.586.455</b>	<b>52.820.050.479</b>

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

CHỈ TIÊU	30/06/2014	01/01/2014
4. Nợ khó đòi đã xử lý	83.291.082	83.291.082
5. Ngoại tệ các loại		
- USD	160.911.26	157.903.52
- EUR	339.67	345.13

Người lập biểu



Vũ Hồng Nhung

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Tâm

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Hòa



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2014 VND	06 tháng đầu năm 2013 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.764.218.594	13.166.513.310
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	3.060.238
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	5.764.218.594	13.163.453.072
11	4. Giá vốn hàng bán	25	5.444.085.709	11.796.110.103
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		320.132.885	1.367.342.969
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	80.181.389	85.820.668
22	7. Chi phí tài chính	27	41.356.211	193.944.817
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		23.291.397	193.944.817
24	8. Chi phí bán hàng		60.904.434	16.620.089
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	5.093.036.040	4.885.079.918
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(4.794.982.411)	(3.642.481.187)
31	11. Thu nhập khác	29	2.452.117.370	375.562.221
32	12. Chi phí khác	30	879.063.713	707.237.275
40	13. Lợi nhuận khác		1.573.053.657	(331.675.054)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(3.221.928.754)	(3.974.156.241)
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31	-	(405.698.786)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>(3.221.928.754)</u>	<u>(3.568.457.455)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	(2.064)	(2.286)

Người lập biểu

Vũ Hồng Nhung

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Tâm

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Hòa

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014  
 Theo phương pháp trực tiếp

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2014 VND	06 tháng đầu năm 2013 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	18.314.422.724	39.914.914.281
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(8.202.810.899)	(31.351.706.865)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(3.420.858.786)	(4.641.882.341)
04	4. Tiền chi trả lãi vay	(23.116.714)	(32.755.601)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	54.658.571.780	134.346.803.439
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(58.015.823.191)	(129.794.522.678)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>3.310.384.914</b>	<b>8.440.850.235</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(140.684.070)	(69.837.597)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	2.340.854.800	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(900.000.000)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	46.098.771	85.820.668
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>1.346.269.501</b>	<b>15.983.071</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	167.500.000	1.055.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(757.500.000)	(166.000.000)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(1.881.000)	-
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(591.881.000)</b>	<b>889.000.000</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>4.064.773.415</b>	<b>9.345.833.306</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	6.753.592.806	15.019.842.941
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	33.846.043	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>10.852.212.264</b>	<b>24.365.676.247</b>

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Tuấn Hòa

Vũ Hồng Nhung

Nguyễn Thị Tâm